

ĐỀ ÁN

**Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư
giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

(Kèm theo Quyết định số 3190/QĐ-UBND ngày 05/10/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Đề án “Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk” (sau đây gọi là *Đề án*), với những nội dung sau:

PHẦN 1. MỞ ĐẦU

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN:

1. Bối cảnh và yêu cầu đặt ra sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh:

Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và hình thành tỉnh Đắk Lắk mới trên cơ sở hợp nhất tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên là bước chuyển có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, làm thay đổi căn bản quy mô, không gian phát triển, cơ cấu nguồn lực và vị thế của tỉnh trong liên kết vùng. Từ một địa phương chủ yếu thuộc không gian Tây Nguyên, tỉnh Đắk Lắk sau hợp nhất có phạm vi phát triển liên tục từ khu vực cao nguyên đến vùng duyên hải Nam Trung Bộ, kết nối trực tiếp vùng sản xuất, vùng nguyên liệu với khu kinh tế, cảng biển, đô thị và các đầu mối giao thông quan trọng.

Việc hợp nhất cũng đặt ra yêu cầu đổi mới mạnh mẽ phương thức thu hút đầu tư. Tỉnh cần thống nhất quy hoạch, định hướng phát triển, danh mục dự án, cơ sở dữ liệu và phương thức xúc tiến đầu tư; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương; nâng cao tính chủ động trong tiếp cận, lựa chọn và thu hút nhà đầu tư phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh. Đồng thời, hình thành cơ chế đồng hành, hỗ trợ nhà đầu tư thống nhất trong toàn bộ vòng đời dự án, từ tiếp cận thông tin, khảo sát, chuẩn bị đầu tư, thực hiện thủ tục, giải phóng mặt bằng đến vận hành và mở rộng dự án; xác định rõ trách nhiệm, thời hạn xử lý và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị.

Do đó, việc hình thành tỉnh Đắk Lắk mới là cơ sở quan trọng để đổi mới toàn diện công tác thu hút đầu tư theo hướng thống nhất, chủ động, chuyên nghiệp,

chọn lọc và hiệu quả, phát huy tối đa lợi thế cao nguyên - duyên hải, huy động nguồn lực xã hội và tạo động lực phát triển nhanh, bền vững giai đoạn 2026–2030.

2. Yêu cầu triển khai Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh và huy động nguồn lực đầu tư; kết quả Hội nghị công bố Quy hoạch và Xúc tiến đầu tư tỉnh Đắk Lắk

Giai đoạn 2026 - 2030 có ý nghĩa quan trọng trong việc hiện thực hóa mục tiêu xây dựng Đắk Lắk trở thành địa phương phát triển năng động, có vai trò quan trọng trong liên kết vùng Tây Nguyên và duyên hải miền Trung. Tỉnh cần tập trung thu hút các nguồn lực đầu tư có chất lượng, ưu tiên dự án xanh, bền vững, ứng dụng khoa học – công nghệ, chuyển đổi số, kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 là cơ sở chiến lược để định hướng không gian phát triển, phân bổ nguồn lực và xác định các ngành, lĩnh vực ưu tiên. Theo đó, tỉnh hướng tới phát triển kinh tế xanh, trở thành trung tâm dịch vụ của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, phát huy lợi thế về logistics, y tế, giáo dục, du lịch, văn hóa - thể thao và khoa học - công nghệ; tăng cường liên kết cao nguyên - duyên hải, sản xuất - chế biến - logistics - dịch vụ - kinh tế biển.

Để thực hiện quy hoạch, cần huy động mạnh mẽ nguồn lực từ khu vực tư nhân, doanh nghiệp trong nước, nhà đầu tư nước ngoài và các hình thức PPP. Tỉnh đã công bố Danh mục dự án thu hút đầu tư giai đoạn 2026-2030 (Đợt 1) gồm 257 dự án, tổng vốn dự kiến trên 1 triệu tỷ đồng theo Quyết định số 1985/QĐ-UBND ngày 24/6/2026, tạo cơ sở định hướng xúc tiến và lựa chọn nhà đầu tư theo ngành, lĩnh vực, địa bàn.

Trong bối cảnh cạnh tranh thu hút đầu tư ngày càng cao, cần chuyển từ công bố quy hoạch, danh mục dự án sang chủ động tổ chức thực hiện; nâng cao khả năng tiếp cận thông tin, rút ngắn thời gian chuẩn bị đầu tư, giảm chi phí tuân thủ và tăng tính minh bạch, ổn định của môi trường đầu tư. Tập trung thu hút các dự án động lực, có tính lan tỏa, phù hợp quy hoạch.

Đặc biệt, **Hội nghị công bố Quy hoạch và Xúc tiến đầu tư tỉnh Đắk Lắk năm 2026** vào tháng 6 năm 2026 là dấu mốc quan trọng, tạo diễn đàn kết nối tỉnh với doanh nghiệp, tập đoàn, tổ chức tài chính và nhà đầu tư. Tại Hội nghị, UBND tỉnh đã trao chủ trương đầu tư, chủ trương khảo sát và ký kết Bản ghi nhớ cho 103 nhà đầu tư gồm 147 dự án với tổng vốn đầu tư trên 1 triệu tỷ đồng. Kết quả Hội nghị đã tạo nền tảng quan trọng để chuyển từ giai đoạn "công bố quy hoạch" sang giai đoạn "triển khai quy hoạch".

Những cam kết của tỉnh đối với cộng đồng doanh nghiệp và nhà đầu tư cần được cụ thể hóa bằng các chương trình hành động, cơ chế phối hợp, kế hoạch triển khai và hệ thống theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện.

3. Yêu cầu thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030:

Việc triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025–2030 đặt ra yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phát triển kinh tế nhanh, bền vững, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Trong đó, tỉnh Đắk Lắk đặt **mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số, tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2026-2030 đạt trên 676.000 tỷ đồng**. Đây là yêu cầu rất lớn về huy động nguồn lực, đòi hỏi phải phát huy mạnh mẽ nguồn vốn của khu vực tư nhân, doanh nghiệp trong nước và nguồn vốn đầu tư nước ngoài, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực đầu tư.

II. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Đầu tư năm 2025.
- Luật Đất đai năm 2024.
- Luật Quy hoạch năm 2025.
- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP).
- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.
- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 10/10/2025 của Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025–2030.
- Kế hoạch số 229/KH-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thực hiện chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2025–2030.
- Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày 11/6/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Đắk Lắk năm 2026.

- Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 16/3/2026 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025–2030.

- Chương trình số 09-CTr/TU ngày 10/2/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026–2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững giai đoạn đến năm 2045.

- Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025–2030.

Việc xây dựng Đề án còn xuất phát từ những căn cứ thực tiễn sau:

- Kết quả công tác thu hút đầu tư giai đoạn 2021–2025, làm cơ sở đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và xác định yêu cầu đổi mới trong giai đoạn 2026–2030.

- Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025–2030 và các chương trình, kế hoạch, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và thu hút nguồn lực đầu tư.

- Yêu cầu đổi mới hoạt động xúc tiến đầu tư; nâng cao khả năng thu hút các dự án có chất lượng, giá trị gia tăng cao và đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Những yêu cầu đặt ra từ quá trình triển khai Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, huy động nguồn lực xã hội, phát triển kết cấu hạ tầng, nâng cao năng lực cạnh tranh và tổ chức thực hiện các mục tiêu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

III. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

- Đổi mới phương thức xúc tiến đầu tư, tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm và chất lượng phục vụ của cơ quan nhà nước.

- Tập trung thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế và khả năng tạo động lực tăng trưởng, gắn với không gian phát triển cao nguyên – duyên hải, nhất là nông nghiệp công nghệ cao và chế biến sâu; công nghiệp chế

biển, chế tạo; năng lượng; kinh tế biển, cảng biển, logistics; du lịch, dịch vụ; đô thị; kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Nâng cao hiệu quả hỗ trợ và đồng hành cùng nhà đầu tư, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình chuẩn bị và triển khai dự án; nâng cao tỷ lệ dự án triển khai đúng tiến độ, sử dụng hiệu quả đất đai và các nguồn lực.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư, tăng cường phối hợp giữa các sở, ban, ngành và địa phương; chủ động rà soát, xử lý các dự án chậm triển khai, sử dụng nguồn lực kém hiệu quả; tạo quỹ đất và điều kiện cần thiết để thu hút các dự án có chất lượng.

- Góp phần thực hiện mục tiêu **tăng trưởng kinh tế hai con số trong giai đoạn 2026-2030**, tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế, tăng năng suất, nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo nền tảng để tỉnh Đắk Lắk phát triển nhanh, bền vững.

PHẦN II.

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC THU HÚT ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, LÃNH ĐẠO

Trong giai đoạn 2021 - 2025, công tác lãnh đạo, chỉ đạo về xúc tiến và thu hút đầu tư luôn được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm huy động các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Các chủ trương của Trung ương về cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, phát triển kinh tế tư nhân, thu hút đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài được tỉnh kịp thời quán triệt, cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Trên cơ sở các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh đã ban hành nhiều kế hoạch, chương trình hành động về xúc tiến đầu tư, phân công trách nhiệm các sở, ban, ngành và địa phương trong công tác chuẩn bị danh mục dự án, cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ nhà đầu tư, tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai dự án.

Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp đã quan tâm chỉ đạo giải quyết các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp thông qua các hội nghị đối thoại doanh nghiệp, các tổ công tác hỗ trợ đầu tư và cơ chế tiếp nhận, xử lý kiến nghị của nhà đầu tư. Nhiều khó khăn liên quan đến thủ tục đầu tư, đất đai, quy hoạch, giải phóng mặt bằng và tiếp cận thông tin đã được xem xét, tháo gỡ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết.

Tuy nhiên, công tác chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực xúc tiến và thu hút đầu tư vẫn còn một số hạn chế. Việc cụ thể hóa một số chủ trương thành các chương trình hành động và cơ chế thực hiện còn chậm; sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết thủ tục đầu tư có thời điểm chưa đồng bộ; trách nhiệm của một số cơ quan, địa phương trong việc theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện các dự án chưa thật sự quyết liệt. Cơ chế phối hợp liên ngành trong xử lý các vấn đề về quy hoạch, đất đai, tài nguyên, môi trường, giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng còn chưa đồng bộ, dẫn đến thời gian chuẩn bị đầu tư của một số dự án kéo dài.

Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, kế hoạch xúc tiến đầu tư chưa được thực hiện thường xuyên; việc đánh giá hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư chủ yếu dựa trên số lượng chương trình, sự kiện hoặc số lượng dự án đăng ký, trong khi chưa có hệ thống chỉ tiêu đánh giá đầy đủ về tỷ lệ hiện thực hóa các cam kết đầu tư, tiến độ triển khai dự án và hiệu quả kinh tế - xã hội sau đầu tư.

Bên cạnh đó, sau khi thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, yêu cầu về thống nhất cơ chế chỉ đạo, điều hành, phân công trách nhiệm giữa các cơ quan chuyên môn, chuẩn hóa quy trình xử lý hồ sơ và xây dựng đầu mối thống nhất trong công tác xúc tiến đầu tư trở nên cấp thiết hơn. Việc hình thành tỉnh mới với quy mô lớn hơn, phạm vi quản lý rộng hơn và định hướng phát triển đa ngành, đa vùng đòi hỏi phải đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo theo hướng tập trung, thống nhất, chuyên nghiệp và dựa trên dữ liệu số; đồng thời tăng cường phân cấp đi đôi với kiểm tra, giám sát và xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong toàn bộ quá trình thu hút, hỗ trợ và đồng hành cùng nhà đầu tư.

II. KẾT QUẢ THU HÚT ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021–2025

1. Kết quả thu hút

Hoạt động xúc tiến đầu tư đã có nhiều chuyển biến tích cực. Từ năm 2021 đến nay, tỉnh đã tiếp đón nhiều lượt nhà đầu tư trong và ngoài nước đến khảo sát, tìm hiểu cơ hội đầu tư; nhiều tập đoàn, doanh nghiệp lớn như: Tập đoàn Hòa Phát, Tập đoàn Vingroup, Tập đoàn Sun Group, Tập đoàn TH, Tập đoàn Xuân Thiện, Tập đoàn N&G, Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5 - CTCP, Công ty Cổ phần Capella Quảng Nam, Công ty TNHH Đầu tư Hoàn Vĩnh Gia; Liên danh Becamex - VSIP (Singapore), Tập đoàn ExxonMobil (Hoa Kỳ),...

Trong giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh thu hút 176 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký khoảng 82.787 tỷ đồng. Các dự án tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực như: năng lượng tái tạo; đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp; cảng biển; phát triển khu đô thị, khu dân cư; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; công nghiệp chế biến; dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng và các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế khác.

Vốn đầu tư chủ yếu tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, xây dựng, năng lượng tái tạo (chiếm 65% số lượng dự án và 91,2% tổng vốn đầu tư dự án); thương mại - dịch vụ (chiếm 11% số lượng dự án và 1,4% tổng vốn đầu tư dự án); nông lâm nghiệp (chiếm 24% số lượng dự án và 7,4% tổng vốn đầu tư dự án); đầu tư vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo còn rất hạn chế.

Nhiều dự án quy mô lớn đã được hoàn thành và đưa vào vận hành, góp phần nâng cao năng lực sản xuất, tạo việc làm, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tăng thu ngân sách địa phương. Tiêu biểu như các dự án Nhà máy điện mặt trời Xuân Thiện – Ea Súp, Nhà máy điện gió Ea Nam, các dự án du lịch nghỉ dưỡng ven biển đã đưa vào khai thác như Stelia Beach Resort, Rosa Alba Resort, Sala Grand Tuy Hoa Hotel, các dự án chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, các trung tâm thương mại và nhà máy chế biến nông sản, từng bước tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư

2.1. Vị trí địa kinh tế và lợi thế cạnh tranh của tỉnh

Tỉnh Đắk Lắk có vị trí địa kinh tế thuận lợi, là cửa ngõ kết nối chiến lược giữa khu vực Tây Nguyên với khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, giữa nội địa với biển và các hành lang giao thương quốc gia, quốc tế. Đây là những lợi thế quan trọng để thu hút đầu tư vào các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, năng lượng tái tạo, du lịch và logistics. Tuy nhiên, khoảng cách đến các trung tâm kinh tế lớn còn tương đối xa, làm gia tăng chi phí vận chuyển, ảnh hưởng đến sức cạnh tranh trong thu hút một số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.

2.2. Hệ thống kết cấu hạ tầng

Trong giai đoạn 2021-2025, hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh từng bước được đầu tư, nâng cấp, nhất là hạ tầng giao thông, điện, viễn thông và hạ tầng các khu, cụm công nghiệp. Một số công trình giao thông trọng điểm được triển khai đã góp phần cải thiện khả năng kết nối vùng, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, hạ tầng logistics, kho bãi, hạ tầng khu công nghiệp và hạ tầng kết nối liên vùng vẫn chưa đồng bộ, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của các dự án quy mô lớn.

2.3. Chất lượng nguồn nhân lực

Giai đoạn 2021-2025, tỉnh Đắk Lắk đã quan tâm triển khai nhiều chính sách phát triển nguồn nhân lực gắn với nhu cầu của thị trường lao động; mở rộng quy mô đào tạo nghề, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp. Mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp và giáo dục nghề nghiệp từng bước được củng cố.

Tuy nhiên, chất lượng nguồn nhân lực vẫn là một trong những hạn chế ảnh hưởng đến sức hấp dẫn của môi trường đầu tư. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng

cấp, chứng chỉ và lao động có chuyên môn còn chưa đáp ứng yêu cầu của các ngành công nghiệp công nghệ cao và dịch vụ hiện đại. Cơ cấu đào tạo ở một số lĩnh vực chưa gắn chặt với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp; kỹ năng ngoại ngữ, quản trị và tác phong công nghiệp của một bộ phận lao động còn hạn chế.

2.4. Quỹ đất và mặt bằng đầu tư

Tỉnh Đắk Lắk có quỹ đất tương đối lớn, thuận lợi để phát triển các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị và các dự án nông nghiệp quy mô lớn. Tuy nhiên, việc chuẩn bị quỹ đất phục vụ thu hút đầu tư vẫn còn nhiều hạn chế. Quỹ đất sạch sẵn sàng bàn giao cho nhà đầu tư chưa nhiều; công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng tại một số khu vực còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ dự án.

Việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật tại một số khu, cụm công nghiệp và khu vực dự kiến thu hút đầu tư chưa đồng bộ. Đối với các khu, cụm công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào, nhất là giao thông kết nối trực tiếp, hạ tầng đường, điện, cấp nước chưa hoàn chỉnh; quỹ đất xây dựng nhà ở công nhân, thiết chế xã hội phục vụ người lao động còn hạn chế. Một số khu, cụm công nghiệp chưa được đầu tư hoàn chỉnh về giao thông, điện, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải.

Bên cạnh đó, công tác quản lý, khai thác và sử dụng đất tại một số địa phương chưa thật sự hiệu quả; việc cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai, công khai thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và danh mục quỹ đất kêu gọi đầu tư chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của nhà đầu tư. Công tác phối hợp giữa các cơ quan trong giải quyết các thủ tục về đất đai, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất và xác định giá đất ở một số trường hợp còn kéo dài, làm tăng thời gian chuẩn bị đầu tư và chi phí của doanh nghiệp.

2.5. Chuyển đổi xanh và phát triển bền vững

Tỉnh Đắk Lắk sau khi mở rộng không gian phát triển có nhiều lợi thế để phát triển mô hình kinh tế xanh với hệ sinh thái đa dạng từ cao nguyên đến ven biển, nguồn tài nguyên đất đai, rừng, nông nghiệp, năng lượng tái tạo, kinh tế biển, logistics và du lịch sinh thái. Đây là nền tảng quan trọng để thu hút các dự án đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, chế biến sâu nông - lâm - thủy sản, năng lượng sạch, công nghiệp ít phát thải, logistics, hạ tầng thông minh và du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng chất lượng cao.

Trong giai đoạn 2021-2025, tỉnh đã từng bước lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quan tâm thu hút các dự án ứng dụng công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng, sử dụng hiệu quả tài nguyên và thân thiện với môi trường.

2.6. Chi phí đầu tư và chi phí vận chuyển

Chi phí đầu tư và logistics vẫn là yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thu hút các dự án quy mô lớn. Hạ tầng giao thông, kết nối logistics nội tỉnh và liên vùng chưa đồng bộ; năng lực vận tải đa phương thức, kho bãi, logistics lạnh, trung tâm phân

phối và dịch vụ hậu cần còn hạn chế, làm tăng chi phí vận chuyển, nhất là đối với nông sản và sản phẩm chế biến.

Quá trình chuẩn bị, triển khai một số dự án còn kéo dài do vướng mắc về bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, giá đất, hạ tầng kỹ thuật và thủ tục đất đai, xây dựng, môi trường. Phối hợp xử lý thủ tục đối với một số dự án trong khu, cụm công nghiệp chưa thật sự đồng bộ. Những hạn chế này làm tăng chi phí đầu tư, chi phí cơ hội, ảnh hưởng tiến độ và sức hấp dẫn của môi trường đầu tư.

Do đó, cần ưu tiên hoàn thiện hạ tầng giao thông, logistics và hạ tầng khu, cụm công nghiệp; đồng thời đơn giản hóa, chuẩn hóa quy trình phối hợp và tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về đất đai, giải phóng mặt bằng, hạ tầng và thủ tục đầu tư.

3. Đánh giá các cơ chế, chính sách hiện hành

3.1. Chính sách ưu đãi đầu tư

Tỉnh đã triển khai đầy đủ các chính sách ưu đãi đầu tư theo quy định của Trung ương, đồng thời ban hành nhiều chính sách hỗ trợ phù hợp với điều kiện thực tế nhằm thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên. Cụ thể như:

- Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 02/4/2021 của Tỉnh ủy Đắk Lắk về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021–2025, định hướng đến năm 2030.

- Nghị quyết số 72/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc quyền phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 02/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Kế hoạch cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh - PCI (từ năm 2021–2025) nâng cao chất lượng điều hành, cải cách thủ tục hành chính, hỗ trợ doanh nghiệp.

Các cơ chế, chính sách trên đã góp phần cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp triển khai dự án; đồng thời hỗ trợ phát triển hạ tầng, thúc đẩy liên kết sản xuất, chuyển đổi số và huy động nguồn lực đầu tư, qua đó nâng cao sức hấp dẫn của môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

3.2. Chính sách đất đai

Trong giai đoạn 2021-2025, tỉnh Đắk Lắk đã triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về đất đai, từng bước hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư tiếp cận quỹ đất để triển khai dự án.

Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách đất đai vẫn còn một số hạn chế ảnh hưởng đến hiệu quả thu hút đầu tư. Việc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở một số địa phương chưa theo kịp yêu cầu phát triển; công tác cập nhật, đồng bộ dữ liệu đất đai và công khai thông tin về quỹ đất kêu gọi đầu tư còn hạn chế. Một số thủ tục liên quan đến giao đất, cho thuê đất, xác định giá đất, chuyển mục đích sử dụng đất và hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai còn mất nhiều thời gian, làm tăng chi phí và ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong giải quyết các thủ tục về đất đai, đầu tư, xây dựng và môi trường ở một số trường hợp chưa thật sự đồng bộ; việc xử lý các dự án chậm đưa đất vào sử dụng hoặc sử dụng đất chưa hiệu quả còn chưa quyết liệt, dẫn đến tình trạng lãng phí nguồn lực đất đai và ảnh hưởng đến cơ hội thu hút các nhà đầu tư mới.

3.3. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp

Công tác cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh theo hướng đơn giản hóa quy trình, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục đầu tư, đăng ký doanh nghiệp, đất đai, xây dựng và các thủ tục liên quan. Cơ chế một cửa, một cửa liên thông được triển khai đồng bộ; việc ứng dụng công nghệ thông tin và cung cấp dịch vụ công trực tuyến từng bước nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, góp phần giảm thời gian và chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

Tỉnh cũng duy trì các kênh đối thoại giữa chính quyền và cộng đồng doanh nghiệp thông qua các hội nghị gặp gỡ doanh nghiệp, chương trình “Cà phê doanh nhân”, tổ công tác hỗ trợ đầu tư và các hoạt động tiếp nhận, xử lý kiến nghị. Nhiều khó khăn, vướng mắc liên quan đến thủ tục đầu tư, đất đai, giải phóng mặt bằng, thuế, lao động và hạ tầng được xem xét, tháo gỡ hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết, góp phần củng cố niềm tin của doanh nghiệp đối với chính quyền địa phương.

3.4. Công tác giải phóng mặt bằng

Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện và đạt nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, công tác giải phóng mặt bằng

vẫn còn là một trong những điểm nghẽn lớn ảnh hưởng đến tiến độ thu hút và triển khai đầu tư trên địa bàn tỉnh. Một số dự án có thời gian thực hiện kéo dài do gặp khó khăn trong xác định nguồn gốc đất, kiểm kê tài sản trên đất, xác định giá đất cụ thể, phương án bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư và giải quyết các kiến nghị của người dân. Sự khác biệt giữa chính sách bồi thường, hỗ trợ của Nhà nước và kỳ vọng của người có đất bị thu hồi ở một số trường hợp dẫn đến khó khăn trong quá trình vận động, thỏa thuận và bàn giao mặt bằng.

Bên cạnh đó, việc chuẩn bị khu tái định cư, quỹ đất phục vụ tái định cư cho người dân sau thu hồi đất ở một số dự án chưa được thực hiện đồng bộ. Công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, chủ đầu tư, chính quyền cấp huyện, cấp xã trong một số trường hợp chưa thật sự chặt chẽ; việc dự báo các vấn đề phát sinh trong quá trình giải phóng mặt bằng còn hạn chế, dẫn đến thời gian xử lý kéo dài, làm tăng chi phí và ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

3.5. Công tác xúc tiến đầu tư

Hoạt động xúc tiến đầu tư được đổi mới theo hướng chủ động, có trọng tâm, trọng điểm; chú trọng xúc tiến tại chỗ gắn với hỗ trợ, đồng hành cùng nhà đầu tư và tăng cường quảng bá tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Nhiều chương trình, hội nghị xúc tiến đầu tư và hoạt động kết nối doanh nghiệp được tổ chức, góp phần nâng cao hình ảnh địa phương, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Tuy nhiên, công tác xúc tiến đầu tư vẫn cần tiếp tục đổi mới về phương thức, nâng cao chất lượng thông tin, xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư có tính khả thi cao và tăng cường hoạt động xúc tiến theo từng ngành, lĩnh vực và đối tác chiến lược.

III. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần tiếp tục khắc phục, cụ thể như sau:

- Số lượng nhà đầu tư đến nghiên cứu, khảo sát và triển khai dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư chiến lược có năng lực tài chính, trình độ công nghệ và kinh nghiệm quản trị; số lượng dự án của các tập đoàn lớn và các nhà đầu tư đến từ các quốc gia có nền công nghiệp phát triển còn hạn chế. Các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) chủ yếu có quy mô vừa và nhỏ, chưa tạo được sức lan tỏa mạnh đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển chuỗi giá trị.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, logistics, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và quỹ đất sạch phục vụ thu hút đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Công tác tạo lập quỹ đất sạch, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng tại một số địa phương còn chậm, ảnh hưởng

đến tiến độ chuẩn bị đầu tư và khả năng thu hút các dự án có quy mô lớn, công nghệ cao.

- Hoạt động xúc tiến đầu tư chưa thật sự chuyên nghiệp, chưa chuyển mạnh từ xúc tiến theo chiều rộng sang xúc tiến có trọng tâm, trọng điểm. Việc ứng dụng công nghệ số, xác định và tiếp cận các nhà đầu tư mục tiêu còn hạn chế; công tác theo dõi, hỗ trợ nhà đầu tư sau cấp phép chưa được thực hiện đồng bộ và hiệu quả.

- Môi trường đầu tư, kinh doanh tuy đã được cải thiện nhưng chưa tạo được bước đột phá. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) có xu hướng cải thiện về điểm số, song thứ hạng còn ở mức trung bình; một số chỉ số thành phần như tiếp cận đất đai, cạnh tranh bình đẳng tính minh bạch, chi phí thời gian và chất lượng điều hành vẫn cần tiếp tục được cải thiện.

- Trên địa bàn tỉnh còn một số diện tích đất lâm nghiệp không còn rừng hoặc rừng không còn khả năng phục hồi, có tiềm năng phát triển các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trồng cây công nghiệp, chăn nuôi và các dự án khác. Tuy nhiên, các quy định liên quan đến chuyển mục đích sử dụng đất lâm nghiệp, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng và các thủ tục pháp lý có liên quan còn phức tạp, thời gian thực hiện kéo dài, ảnh hưởng đến việc thu hút và triển khai các dự án đầu tư.

IV. NGUYÊN NHÂN

1. Nguyên nhân khách quan

- Tác động của đại dịch COVID-19 và những biến động của kinh tế thế giới làm suy giảm dòng vốn đầu tư.

- Hệ thống pháp luật về đầu tư, đất đai, quy hoạch có nhiều thay đổi trong giai đoạn chuyển tiếp, ảnh hưởng đến tiến độ chuẩn bị và triển khai dự án.

- Vị trí địa lý của tỉnh có tính chất đặc thù xa cách trung tâm kinh tế lớn, hạ tầng giao thông chưa được đầu tư hoàn chỉnh, đồng bộ, nên còn khó khăn cho việc vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm, giảm tính kết nối giữa vùng nguyên liệu và nhà máy, làm tăng giá thành, giảm tính cạnh tranh của sản phẩm, từ đó ảnh hưởng đến công tác kêu gọi đầu tư.

- Công tác giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn do nhiều nguyên nhân (khiếu nại, khiếu kiện về giá đền bù, hỗ trợ...) dẫn đến công tác giao đất cho nhà đầu tư gặp khó khăn nên nhà đầu tư không thể triển khai thực hiện dự án theo đúng tiến độ đã được phê duyệt.

- Tỉnh Đắk Lắk còn quỹ đất từ các công ty nông lâm nghiệp chuyển giao về cho các địa phương quản lý là điều kiện thu hút các dự án phát triển nông lâm

nghiệp. Tuy nhiên, theo quy định phải lập và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất và phương án sử dụng đất, thì mới đảm bảo điều kiện để giải quyết chủ trương đầu tư, song việc triển khai vẫn còn chậm.

2. Nguyên nhân chủ quan

- Việc quản lý quỹ đất để kêu gọi đầu tư chưa tốt, tình trạng xâm canh, xâm cư trái phép còn phổ biến và kéo dài nhưng chưa có giải pháp để khắc phục một cách triệt để; quy định về chuyển đổi đất lâm nghiệp không còn rừng sang đất khác còn khó khăn phức tạp.

- Hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào các khu, cụm công nghiệp chưa được đầu tư đồng bộ làm giảm sức cạnh tranh khi tiếp cận các nhà đầu tư, tập đoàn lớn.

- Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của các ngành công nghiệp hiện đại. Tỷ lệ lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao còn thấp; thiếu đội ngũ chuyên gia, kỹ sư và lao động có kỹ năng trong các lĩnh vực công nghệ cao, logistics và quản trị doanh nghiệp.

PHẦN III.

CÁC TIỀM NĂNG, LỢI THẾ SAU SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

Việc hợp nhất tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên đã tạo ra sự thay đổi căn bản về quy mô, không gian phát triển, cơ cấu nguồn lực và khả năng liên kết vùng của tỉnh. Đắk Lắk sau hợp nhất có không gian phát triển liên tục từ cao nguyên đến duyên hải, kết hợp tiềm năng đất đai, rừng, vùng nguyên liệu, nông nghiệp, năng lượng và văn hóa Tây Nguyên với kinh tế biển, cảng biển, thủy sản, du lịch, logistics và các dịch vụ của khu vực phía Đông. Đây là cơ sở quan trọng để tỉnh xác định lại định hướng thu hút đầu tư, chuyển từ khai thác lợi thế đơn lẻ sang phát triển các chuỗi giá trị, liên kết ngành và các động lực tăng trưởng mới.

1. Khu vực phía Tây: Có lợi thế về quỹ đất, khí hậu, tài nguyên rừng, vùng nguyên liệu nông, lâm nghiệp và sản xuất nông nghiệp hàng hóa, với nhiều sản phẩm có quy mô lớn và giá trị kinh tế cao. Đây là nền tảng để phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, sản xuất tập trung, nâng cao chất lượng sản phẩm và hình thành các vùng nguyên liệu ổn định gắn với chế biến. Cùng với đó, khu vực có tiềm năng về năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến, chế biến sâu nông – lâm sản, chăn nuôi tập trung, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển du lịch gắn với cảnh quan tự nhiên, văn hóa các dân tộc.

2. Khu vực phía Đông: Có lợi thế về biển, cảng biển, vị trí kết nối liên vùng, hệ thống đô thị, hạ tầng giao thông và không gian phát triển công nghiệp – dịch vụ. Đây là cửa ngõ quan trọng kết nối tỉnh Đắk Lắk với biển, các địa phương duyên hải và các hành lang kinh tế trong khu vực. Lợi thế này tạo điều kiện phát triển các ngành kinh tế biển, cảng biển, dịch vụ logistics, công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch biển; đồng thời là đầu mối để tiếp nhận, lưu thông, chế biến và đưa các sản phẩm từ khu vực phía Tây đến các địa phương trong nước và quốc tế.

3. Lợi thế liên kết cao nguyên – duyên hải và hình thành chuỗi giá trị

Lợi thế nổi bật nhất sau sắp xếp là khả năng kết nối vùng sản xuất, vùng nguyên liệu phía Tây với hệ thống cảng biển, logistics, công nghiệp, thương mại và dịch vụ phía Đông. Qua đó hình thành chuỗi liên kết từ sản xuất – chế biến – bảo quản – logistics – cảng biển – phân phối, nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm. Đây cũng là cơ sở để phát triển các hành lang kinh tế, cụm liên kết ngành và các dự án có quy mô lớn, có tính liên kết vùng, tạo động lực lan tỏa. Vì vậy, ưu tiên thu hút các dự án có khả năng kết nối hai không gian phát triển, nhất là công nghiệp chế biến sâu, logistics, kho lạnh, trung tâm phân phối, năng lượng, hạ tầng giao thông và các dịch vụ hỗ trợ chuỗi giá trị.

4. Định hướng về thu hút đầu tư giai đoạn 2026–2030 trên cơ sở tiềm năng, lợi thế sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh

Trên cơ sở phát huy lợi thế về tài nguyên đất đai, rừng, vùng nguyên liệu nông, lâm nghiệp; không gian kinh tế biển, hệ thống đô thị, khu công nghiệp, hạ tầng giao thông; tiềm năng năng lượng tái tạo; nguồn nhân lực; văn hóa đặc sắc và các điều kiện phát triển du lịch, Đắk Lắk định hướng đổi mới mạnh mẽ phương thức thu hút đầu tư giai đoạn 2026–2030 theo hướng chủ động, có trọng tâm, trọng điểm, theo chuỗi giá trị và hệ sinh thái đầu tư, chuyển từ thu hút các dự án riêng lẻ sang thu hút các dự án có khả năng dẫn dắt, tạo liên kết và lan tỏa.

Một là, phát huy lợi thế không gian phát triển từ cao nguyên đến biển, hình thành chuỗi liên kết sản xuất – chế biến – logistics – cảng biển – phân phối. Tập trung thu hút các dự án phát triển trung tâm logistics, kho bãi, kho lạnh, trung tâm phân phối, dịch vụ cảng biển, công nghiệp hỗ trợ và các ngành sản xuất có lợi thế kết nối với hệ thống giao thông liên vùng và không gian kinh tế biển. Từng bước hình thành mạng lưới logistics phục vụ vùng nguyên liệu và các trung tâm sản xuất của tỉnh, nâng cao năng lực lưu thông hàng hóa, giảm chi phí logistics và mở rộng khả năng kết nối, xuất khẩu.

Hai là, ưu tiên thu hút đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến sâu và phát triển chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản. Tập trung vào các ngành, sản phẩm có lợi thế của tỉnh như cà phê, sầu riêng, hồ tiêu, điều, cao su, trái cây, dược liệu, sản phẩm chăn nuôi, thủy sản và lâm sản. Khuyến khích các dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản, cấp đông, chế biến sâu, sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao; đồng thời thu hút các doanh

nghiệp, tập đoàn có năng lực dẫn dắt liên kết vùng nguyên liệu, chế biến, bảo quản, logistics và phân phối, từng bước hình thành các chuỗi giá trị hoàn chỉnh và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm.

Ba là, phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, xanh và có giá trị gia tăng cao. Ưu tiên thu hút các dự án công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, cơ khí, vật liệu mới, sản xuất thiết bị và các ngành công nghiệp có công nghệ tiên tiến, ít phát thải, sử dụng tiết kiệm tài nguyên. Gắn thu hút đầu tư công nghiệp với phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và khả năng kết nối với logistics, cảng biển; hạn chế thu hút các dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều năng lượng, tài nguyên và có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Bốn là, khai thác hiệu quả tiềm năng năng lượng tái tạo, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và tín chỉ carbon. Thu hút các dự án năng lượng tái tạo phù hợp với quy hoạch và khả năng hấp thụ của hệ thống; phát triển điện sinh khối, năng lượng từ phụ phẩm nông nghiệp, các dự án sản xuất và sử dụng năng lượng sạch. Khuyến khích đầu tư vào công nghệ xử lý, tái chế và tái sử dụng chất thải; phát triển các mô hình sản xuất tuần hoàn, nông nghiệp tuần hoàn, công nghiệp xanh và các dự án tạo giá trị gia tăng từ phụ phẩm, chất thải; từng bước khai thác tiềm năng hấp thụ carbon của rừng, đất và hệ sinh thái tự nhiên gắn với phát triển và kinh doanh tín chỉ carbon theo quy định.

Năm là, phát triển kinh tế biển gắn với công nghiệp, logistics, dịch vụ và đô thị. Khai thác lợi thế không gian ven biển, hệ thống cảng biển và các khu vực có điều kiện phát triển công nghiệp để thu hút các dự án công nghiệp, dịch vụ hậu cần, logistics, dịch vụ cảng biển, chế biến thủy sản, năng lượng và các ngành kinh tế biển có giá trị gia tăng cao. Tăng cường liên kết giữa không gian kinh tế phía Đông với vùng cao nguyên, tạo động lực phát triển mới và nâng cao vai trò của Đắk Lắk trong liên kết vùng.

Sáu là, thu hút đầu tư phát triển du lịch theo hướng đa dạng hóa sản phẩm và liên kết không gian cao nguyên – biển. Khuyến khích các dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch biển, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch văn hóa, thể thao, chăm sóc sức khỏe và các sản phẩm du lịch chất lượng cao. Hình thành các tuyến, cụm du lịch liên kết giữa không gian văn hóa Tây Nguyên, vùng sinh thái rừng, nông nghiệp đặc trưng với không gian biển, tạo nên sản phẩm du lịch đặc sắc, có khả năng thu hút khách trong nước và quốc tế.

Bảy là, thu hút đầu tư vào các lĩnh vực dịch vụ chất lượng cao, đô thị, khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tập trung phát triển các trung tâm dịch vụ, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghệ thông tin, hạ tầng số và các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp. Phát huy vai trò của thành phố Buôn Ma Thuột và các đô thị động lực trong hình thành các trung tâm dịch vụ, khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh; đồng thời tạo nền tảng phục vụ quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Tám là, chuyển mạnh phương thức xúc tiến đầu tư từ “xúc tiến theo dự án” sang “xúc tiến theo ngành, chuỗi giá trị và hệ sinh thái đầu tư”. Trên cơ sở quy hoạch tỉnh, xác định rõ từng không gian, ngành, lĩnh vực và dự án ưu tiên; xây dựng danh mục nhà đầu tư mục tiêu theo từng nhóm ngành, từng chuỗi giá trị. Chủ động tiếp cận, làm việc trực tiếp với các tập đoàn, doanh nghiệp có năng lực tài chính, công nghệ và khả năng dẫn dắt chuỗi; ưu tiên thu hút các dự án “môi”, dự án đầu tàu có khả năng kéo theo doanh nghiệp vệ tinh, công nghiệp hỗ trợ, dịch vụ logistics và các dự án liên kết. Đồng thời, chuẩn bị trước các điều kiện cần thiết về quỹ đất, hạ tầng, quy hoạch, thông tin dự án và thủ tục đầu tư để nâng cao khả năng sẵn sàng tiếp nhận nhà đầu tư.

Qua đó, giai đoạn 2026–2030, Đắk Lắk phân đầu hình thành các hệ sinh thái đầu tư và chuỗi giá trị có tính liên kết cao, trọng tâm gồm: (1) nông nghiệp công nghệ cao – chế biến sâu – kho lạnh – logistics; (2) công nghiệp chế biến, chế tạo – công nghiệp hỗ trợ; (3) logistics – cảng biển – kinh tế biển; (4) năng lượng xanh – kinh tế tuần hoàn – tín chỉ carbon; (5) du lịch – đô thị – dịch vụ chất lượng cao; (6) khoa học – công nghệ – đổi mới sáng tạo – chuyển đổi số. Qua đó, khai thác hiệu quả lợi thế mới sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tạo động lực tăng trưởng mới, nâng cao chất lượng dòng vốn đầu tư, tăng cường liên kết vùng, nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh Đắk Lắk.

PHẦN IV.

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THU HÚT ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. QUAN ĐIỂM

1. Xác định thu hút đầu tư là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, gắn với thực hiện Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh

Thu hút đầu tư là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị, nhằm huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội, cụ thể hóa Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh. Công tác thu hút đầu tư phải bám sát định hướng không gian, ngành, lĩnh vực, địa bàn và dự án động lực; bảo đảm đồng bộ với quy hoạch, đất đai, hạ tầng và nguồn nhân lực.

2. Phát huy lợi thế của tỉnh sau hợp nhất, tổ chức không gian thu hút đầu tư theo hướng liên kết cao nguyên – ven biển và tăng cường liên kết vùng

Khai thác hiệu quả lợi thế bổ trợ giữa khu vực cao nguyên và duyên hải; kết nối vùng nguyên liệu, sản xuất, chế biến với logistics, cảng biển, đô thị, dịch vụ và xuất khẩu. Tổ chức không gian thu hút đầu tư gắn với các vùng động lực, hành lang kinh tế, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vùng sản xuất tập trung và các đô thị trung tâm; phát huy vai trò của Buôn Ma Thuột và Tuy Hòa, hạn chế đầu tư phân tán, trùng lặp và cạnh tranh nội bộ.

3. Chuyển mạnh từ thu hút đầu tư theo chiều rộng sang thu hút có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả và tính lan tỏa làm tiêu chí chủ yếu

Ưu tiên nhà đầu tư có năng lực thực chất và các dự án phù hợp quy hoạch, có công nghệ tiên tiến, giá trị gia tăng cao, sử dụng hiệu quả tài nguyên, thân thiện môi trường, tạo việc làm, đóng góp ngân sách và có khả năng liên kết, lan tỏa. Không thu hút bằng mọi giá các dự án công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều tài nguyên hoặc tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm.

4. Gắn thu hút đầu tư với tăng trưởng xanh, khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển bền vững

Ưu tiên thu hút đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, chế biến sâu nông, lâm, thủy sản, kinh tế rừng, năng lượng sạch, kinh tế biển, logistics, du lịch sinh thái – văn hóa – nghỉ dưỡng, y tế, giáo dục và dịch vụ chất lượng cao; thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, kinh tế số và phát triển bền vững.

5. Lấy nhà đầu tư, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; xây dựng chính quyền kiến tạo, minh bạch và đồng hành trong toàn bộ vòng đời dự án

Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng công khai, minh bạch, trách nhiệm và phục vụ; đồng hành với nhà đầu tư trong toàn bộ vòng đời dự án. Đánh giá hiệu quả không chỉ qua số lượng và vốn đăng ký mà còn qua tỷ lệ vốn thực hiện, tiến độ dự án, mức độ hài lòng, hiệu quả hoạt động và đóng góp cho kinh tế địa phương.

6. Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất, phân công rõ trách nhiệm và quản trị công tác thu hút đầu tư dựa trên dữ liệu, tiến độ và kết quả

Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất; phân công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn và kết quả. Tăng cường phân cấp gắn với kiểm tra, giám sát, trách nhiệm giải trình; xây dựng cơ sở dữ liệu đầu tư, ứng dụng công nghệ số trong xúc tiến, hỗ trợ và giám sát dự án; kịp thời xử lý dự án chậm tiến độ, sử dụng đất, tài nguyên kém hiệu quả hoặc không thực hiện đúng cam kết.

II. MỤC TIÊU CHUNG

1. Mục tiêu chung

Đổi mới toàn diện công tác xúc tiến và thu hút đầu tư theo hướng chủ động, có trọng tâm, trọng điểm, thực chất và hiệu quả; chuyển từ xúc tiến, thu hút đầu tư theo phương thức truyền thống, dàn trải sang xúc tiến có mục tiêu, theo ngành, lĩnh vực, địa bàn, chuỗi giá trị và nhóm nhà đầu tư mục tiêu; nâng cao chất lượng công tác lựa chọn, thu hút và hỗ trợ nhà đầu tư.

Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư theo hướng ưu tiên các dự án có quy mô phù hợp, công nghệ tiên tiến, giá trị gia tăng cao, đóng góp lớn cho tăng trưởng, ngân sách, việc làm và có khả năng liên kết, lan tỏa; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh sau sắp xếp đơn vị hành chính, nhất là không gian liên kết cao nguyên – duyên hải, góp phần huy động nguồn lực xã hội, thúc đẩy tăng trưởng

kinh tế nhanh, bền vững và thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026–2030.

Góp phần xây dựng Đắk Lắk trở thành tỉnh phát triển năng động của cả nước; là trung tâm phát triển kinh tế xanh và trung tâm dịch vụ của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; trong đó Buôn Ma Thuột và Tuy Hòa phát huy vai trò các đô thị trung tâm, động lực, kết nối các không gian phát triển của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2026–2030

- Phần đầu thu hút từ 350–400 dự án đầu tư, với tổng vốn đầu tư dự kiến khoảng 01 triệu tỷ đồng;
- Phần đầu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt từ 12 tỷ USD trở lên.

III. ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THU HÚT ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026–2030

1. Định hướng chung

Thu hút đầu tư giai đoạn 2026 - 2030 theo hướng chủ động, có trọng tâm, trọng điểm, chọn lọc, thực chất và hiệu quả, gắn với mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số, quy hoạch tỉnh. Tập trung huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội, ưu tiên thu hút nhà đầu tư có năng lực, dự án có quy mô phù hợp, công nghệ hiện đại, giá trị gia tăng cao, đóng góp lớn cho tăng trưởng, ngân sách, việc làm và có khả năng liên kết, lan tỏa.

Phát huy lợi thế của hai không gian phía Tây – phía Đông, tăng cường liên kết cao nguyên – duyên hải, hình thành các chuỗi giá trị từ vùng nguyên liệu, sản xuất, chế biến đến logistics, cảng biển, thương mại và dịch vụ. Thu hút đầu tư phải gắn với nâng cao chất lượng môi trường đầu tư, kinh doanh, bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và người dân; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đất đai, tài nguyên và các nguồn lực, hướng tới phát triển nhanh, bền vững.

2. Định hướng đổi mới phương thức thu hút và hỗ trợ đầu tư

- Chuyển từ thu hút bị động sang chủ động: Xác định trước ngành, lĩnh vực, dự án và nhóm nhà đầu tư mục tiêu; chủ động nghiên cứu, tiếp cận, kết nối và mời gọi nhà đầu tư phù hợp thay vì chủ yếu chờ nhà đầu tư đề xuất.

- Chuyển từ xúc tiến dàn trải sang xúc tiến có trọng tâm, trọng điểm: Tổ chức xúc tiến theo từng ngành, lĩnh vực, địa bàn, chuỗi giá trị và nhóm nhà đầu tư; tập trung nguồn lực vào các dự án, nhà đầu tư có tiềm năng và khả năng triển khai cao.

- Chuyển từ giới thiệu tiềm năng sang chuẩn bị điều kiện sẵn sàng thu hút đầu tư: Xây dựng danh mục dự án ưu tiên, chuẩn hóa thông tin về quy hoạch, đất đai,

hạ tầng, thủ tục và chính sách; từng bước chuẩn bị quỹ đất, mặt bằng và hạ tầng đối với các dự án trọng điểm.

- Chuyển từ hỗ trợ theo thủ tục sang đồng hành trong toàn bộ vòng đời dự án: Thiết lập cơ chế phối hợp, một đầu mối hỗ trợ xuyên suốt từ khảo sát, chuẩn bị đầu tư, thực hiện thủ tục, giải phóng mặt bằng đến triển khai, vận hành và mở rộng dự án; chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư.

- Chuyển từ quản lý dự án sang quản lý hiệu quả đầu tư: Tăng cường theo dõi, đánh giá tiến độ, chất lượng và hiệu quả dự án; kịp thời xử lý các dự án chậm triển khai, không có khả năng thực hiện hoặc sử dụng nguồn lực không hiệu quả.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong thu hút và hỗ trợ đầu tư: Xây dựng cơ sở dữ liệu thống nhất về dự án, nhà đầu tư, quy hoạch, đất đai và hạ tầng; số hóa thông tin, xây dựng bản đồ đầu tư và cung cấp thông tin trực tuyến, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư tiếp cận và nghiên cứu cơ hội đầu tư.

- Triển khai thực chất cơ chế phối hợp liên ngành và cơ chế “luồng xanh” đối với các dự án đủ điều kiện, bảo đảm đúng quy định, công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian xử lý và không phát sinh thủ tục ngoài quy định.

Từ đó, hình thành phương thức thu hút và hỗ trợ đầu tư theo hướng “chủ động tiếp cận – lựa chọn có chọn lọc – chuẩn bị sẵn sàng – hỗ trợ xuyên suốt – đánh giá bằng hiệu quả”, nâng cao chất lượng và hiệu quả thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026–2030.

3. Định hướng theo ngành, lĩnh vực ưu tiên

3.1. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Ưu tiên thu hút đầu tư vào hạ tầng số, trung tâm dữ liệu phù hợp, giải pháp truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử, trí tuệ nhân tạo và tự động hóa ứng dụng trong nông nghiệp, công nghiệp, logistics, du lịch, y tế, giáo dục và quản trị đô thị.

Khuyến khích hình thành liên kết giữa chính quyền, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và doanh nghiệp; hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và thương mại hóa công nghệ phục vụ các ngành kinh tế chủ lực của tỉnh.

3.2. Công nghiệp

Tập trung thu hút công nghiệp chế biến sâu nông, lâm, thủy sản; công nghiệp thực phẩm, đồ uống; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp gắn với cảng biển, năng lượng; sản xuất xanh, tiết kiệm năng lượng và sử dụng hiệu quả tài nguyên.

Nghiên cứu thu hút có chọn lọc các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học và các ngành công nghiệp mới phù hợp với quy hoạch, hạ tầng, nguồn nhân lực và khả năng tiếp nhận của tỉnh. Từng bước phát triển các khu công

ng nghiệp theo hướng đồng bộ, hiện đại, sinh thái; ưu tiên đầu tư hạ tầng môi trường, nhà ở và các dịch vụ xã hội phục vụ người lao động.

3.3. Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp hiện đại, đa giá trị, sinh thái, tuần hoàn; chuẩn hóa vùng nguyên liệu, mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, bảo quản, chế biến sâu và xây dựng thương hiệu.

Phát triển thủy sản theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, an toàn dịch bệnh, bền vững; gắn nuôi trồng, khai thác hợp pháp với chế biến, logistics và thị trường xuất khẩu.

Phát triển kinh tế rừng, trồng rừng gỗ lớn, chế biến lâm sản sâu, dịch vụ môi trường rừng và nghiên cứu phát triển thị trường các-bon phù hợp quy định.

3.4. Thương mại, dịch vụ, logistics và du lịch

Thu hút đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, trung tâm phân phối, logistics, kho lạnh, dịch vụ tài chính và các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; tăng cường kết nối thương mại điện tử với sản xuất, chế biến và tiêu thụ. Nghiên cứu các mô hình thương mại, logistics và dịch vụ gắn với cảng biển, sân bay, Khu kinh tế và các hành lang kinh tế theo quy hoạch và khả năng triển khai thực tế.

Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng; ưu tiên các dự án tạo sản phẩm liên kết cao nguyên – biển, du lịch văn hóa Tây Nguyên và sinh thái, cộng đồng, nông nghiệp, nghỉ dưỡng biển, chăm sóc sức khỏe và dịch vụ chất lượng cao.

3.5. Kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế biển và các mô hình kinh tế mới

Thu hút dự án sản xuất phát thải thấp, năng lượng sạch, công nghệ môi trường, tái chế, tận dụng phụ phẩm nông – lâm – thủy sản và mô hình kinh tế tuần hoàn tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Phát triển kinh tế biển gắn với logistics hàng hải, công nghiệp ven biển phù hợp, du lịch biển – đảo, năng lượng sạch, thủy sản bền vững và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nghiên cứu phát triển kinh tế ban đêm tại các đô thị và khu du lịch có đủ điều kiện; phù hợp quy hoạch, an ninh trật tự, môi trường và bản sắc địa phương.

Việc xác định ngành, lĩnh vực ưu tiên là cơ sở để xây dựng danh mục dự án trọng điểm, xác định nhà đầu tư mục tiêu và đổi mới phương thức xúc tiến đầu tư theo từng ngành, lĩnh vực và chuỗi giá trị, bảo đảm thu hút đầu tư có trọng tâm,

trọng điểm, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số của tỉnh giai đoạn 2026–2030.

4. Định hướng về chất lượng dự án và lựa chọn nhà đầu tư

- Tập trung thu hút các dự án có chất lượng, hiệu quả và tính lan tỏa cao, phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế - xã hội và lợi thế của tỉnh. Ưu tiên các dự án ứng dụng công nghệ tiên tiến, sử dụng đất và năng lượng hiệu quả, phát thải thấp, có khả năng áp dụng mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Ưu tiên các dự án có khả năng liên kết chuỗi, liên kết vùng và dẫn dắt ngành, lĩnh vực, nhất là các dự án kết nối không gian cao nguyên – duyên hải, hình thành chuỗi từ sản xuất, vùng nguyên liệu, chế biến, bảo quản, logistics đến phân phối và xuất khẩu; đồng thời khuyến khích các dự án xanh, kinh tế tuần hoàn, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Lựa chọn nhà đầu tư trên cơ sở năng lực tài chính, kinh nghiệm, công nghệ, uy tín và khả năng triển khai thực tế, bảo đảm nhà đầu tư có năng lực thực hiện dự án đúng tiến độ, sử dụng hiệu quả nguồn lực và tuân thủ quy định pháp luật. Ưu tiên nhà đầu tư chiến lược, có năng lực quản trị, khả năng kết nối chuỗi giá trị và cam kết đầu tư lâu dài tại tỉnh.

- Hạn chế thu hút các dự án công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều tài nguyên, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, sử dụng đất kém hiệu quả, giá trị gia tăng thấp hoặc không phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh; kiên quyết không đánh đổi môi trường và hiệu quả phát triển lâu dài để thu hút đầu tư bằng mọi giá.

Việc đánh giá, lựa chọn dự án và nhà đầu tư phải bảo đảm công khai, minh bạch, cạnh tranh, đúng quy định, lấy hiệu quả kinh tế - xã hội, chất lượng công nghệ, mức độ đóng góp, khả năng triển khai và tính bền vững làm những tiêu chí quan trọng trong thu hút đầu tư.

PHẦN V.

GIẢI PHÁP VÀ NHIỆM VỤ ĐỔI MỚI, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THU HÚT ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026–2030

I. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Chuẩn bị điều kiện và nền tảng phục vụ thu hút đầu tư:

- Rà soát, cập nhật và đồng bộ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành, lĩnh vực; xác định rõ khu vực, địa điểm phù hợp để thu hút đầu tư, bảo đảm thống nhất với định hướng phát triển không gian cao nguyên – duyên hải.

- Rà soát, chuẩn bị quỹ đất cho các dự án ưu tiên; từng bước tạo quỹ đất sạch, mặt bằng và các điều kiện hạ tầng thiết yếu tại khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu đô thị, du lịch, logistics và các dự án động lực.

- Hằng năm rà soát, cập nhật danh mục dự án thu hút đầu tư theo ngành, lĩnh vực và địa bàn; xác định rõ quy mô, địa điểm, nhu cầu sử dụng đất, tổng vốn dự kiến, yêu cầu về hạ tầng và mức độ sẵn sàng của từng dự án.

- Chuẩn hóa hồ sơ dự án trọng điểm theo hướng đầy đủ thông tin về vị trí, đất đai, quy hoạch, hạ tầng, sản phẩm, công nghệ, vốn đầu tư và các điều kiện thực hiện; ưu tiên chuẩn bị các dự án có khả năng triển khai nhanh và tạo động lực tăng trưởng.

- Xây dựng hệ thống thông tin và Bản đồ số xúc tiến, quản lý đầu tư thống nhất, tích hợp các thông tin về quy hoạch, quỹ đất, hạ tầng, dự án, nhà đầu tư và các điều kiện đầu tư; số hóa, cập nhật và công khai thông tin phù hợp, giúp nhà đầu tư chủ động nghiên cứu, đánh giá địa điểm và cơ hội đầu tư.

2. Cải thiện môi trường đầu tư, xúc tiến, hỗ trợ và quản lý dự án:

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rà soát, đơn giản hóa và rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục liên quan đến đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường; nâng cao tính minh bạch, ổn định và khả năng dự báo.

- Xác định rõ đầu mối, trách nhiệm và thời hạn xử lý đối với từng thủ tục, hồ sơ và kiến nghị của doanh nghiệp, nhà đầu tư; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương, hạn chế tình trạng đùn đẩy, kéo dài.

- Chuyển từ xúc tiến đại trà sang xúc tiến có trọng tâm, trọng điểm, theo ngành, lĩnh vực, chuỗi giá trị và nhóm nhà đầu tư mục tiêu; chủ động nghiên cứu, lựa chọn, tiếp cận và kết nối các nhà đầu tư phù hợp.

- Đa dạng hóa phương thức xúc tiến thông qua hội nghị, diễn đàn, khảo sát thực địa, làm việc trực tiếp, trực tuyến và xúc tiến ở nước ngoài; phát huy vai trò của các tổ chức xúc tiến, hiệp hội doanh nghiệp, đối tác và doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn.

- Chuyển từ hỗ trợ theo từng thủ tục sang đồng hành trong suốt vòng đời dự án; thiết lập cơ chế tiếp nhận, theo dõi và xử lý kiến nghị, nhất là đối với các dự án trọng điểm, dự án quy mô lớn.

- Tăng cường quản lý, theo dõi và đánh giá tiến độ thực hiện dự án; rà soát, phân loại dự án theo tình trạng pháp lý, tiến độ và khả năng triển khai; tập trung tháo gỡ khó khăn cho dự án có khả năng thực hiện và xử lý theo quy định đối với dự án chậm triển khai, không có khả năng thực hiện.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tài nguyên, vốn và hạ tầng; ưu tiên các dự án có hiệu quả kinh tế – xã hội cao, tạo giá trị gia tăng, đóng góp ngân sách, tạo việc làm và có khả năng lan tỏa.

3. Phát triển hạ tầng, tăng cường liên kết và huy động nguồn lực:

- Ưu tiên nguồn lực phát triển các công trình hạ tầng có tính kết nối và lan tỏa cao, tạo điều kiện hình thành chuỗi liên kết sản xuất – chế biến – logistics – cảng biển, khai thác hiệu quả không gian phát triển cao nguyên – duyên hải.

- Đẩy nhanh phát triển hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cụm công nghiệp, logistics, cảng biển, sân bay và các tuyến kết nối cao nguyên – duyên hải; chú trọng hạ tầng ngoài hàng rào, cấp điện, cấp nước và hạ tầng xã hội thiết yếu.

- Gắn phát triển hạ tầng với quy hoạch và nhu cầu thu hút đầu tư; ưu tiên các khu vực có khả năng hình thành cụm liên kết ngành, thu hút dự án quy mô lớn và tạo động lực phát triển.

- Tăng cường liên kết giữa khu vực phía Tây và phía Đông, phát huy lợi thế bổ trợ giữa vùng nguyên liệu, sản xuất, chế biến với kinh tế biển, cảng biển, logistics, thương mại và dịch vụ; hình thành các chuỗi giá trị và hành lang kinh tế.

- Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư, kết hợp nguồn vốn ngân sách nhà nước với vốn doanh nghiệp, FDI, PPP và các nguồn vốn hợp pháp khác; đẩy mạnh huy động nguồn lực ngoài ngân sách cho hạ tầng và các dự án động lực.

4. Phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác xúc tiến đầu tư:

- Nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác xúc tiến đầu tư tại Trung tâm Xúc tiến đầu tư tỉnh Đắk Lắk theo hướng chuyên nghiệp, chủ động, am hiểu pháp luật, quy hoạch, đất đai, đầu tư, xây dựng, môi trường và các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư của tỉnh.

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu theo ngành, lĩnh vực và nhóm nhà đầu tư mục tiêu; tăng cường học tập, trao đổi kinh nghiệm và cập nhật phương thức xúc tiến đầu tư hiện đại.

- Tăng cường học tập, trao đổi kinh nghiệm với các địa phương có kết quả tốt trong thu hút đầu tư; tham gia các chương trình đào tạo, hội nghị, diễn đàn xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước nhằm cập nhật xu hướng đầu tư, mô hình xúc tiến và phương thức tiếp cận nhà đầu tư hiện đại.

- Tăng cường phối hợp giữa Trung tâm Xúc tiến đầu tư với các sở, ban, ngành, địa phương, bảo đảm cán bộ xúc tiến đầu tư có đầy đủ thông tin và khả năng cung cấp nhanh chóng, chính xác các nội dung nhà đầu tư quan tâm; hình

thành cơ chế phối hợp và đầu môi hỗ trợ xuyên suốt trong quá trình chuẩn bị và triển khai dự án.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu cung – cầu lao động, dự báo nhu cầu nhân lực; phát triển đào tạo nghề, đào tạo lại, kỹ năng kỹ thuật, kỹ năng số và ngoại ngữ gắn với nhu cầu doanh nghiệp, khuyến khích đào tạo theo đơn đặt hàng và tại chỗ.

- Nghiên cứu giải pháp thu hút chuyên gia, nhà khoa học, quản lý cấp cao và lao động kỹ thuật; đồng thời quan tâm phát triển các điều kiện về nhà ở, y tế, giáo dục, văn hóa và dịch vụ để đáp ứng nhu cầu nhân lực của các dự án.

- Xây dựng văn hóa phục vụ nhà đầu tư chuyên nghiệp, đề cao tinh thần chủ động, trách nhiệm, đồng hành và hỗ trợ nhà đầu tư; chuyển từ phương thức “cung cấp thông tin khi được yêu cầu” sang chủ động tìm kiếm, tiếp cận, tư vấn và kết nối nhà đầu tư phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong thu hút đầu tư:

- Xây dựng Bản đồ số xúc tiến đầu tư tích hợp thông tin quy hoạch, quỹ đất, hiện trạng sử dụng đất, hạ tầng giao thông và các hạ tầng thiết yếu; số hóa, cập nhật thường xuyên và công khai trực tuyến, giúp nhà đầu tư chủ động tra cứu, đánh giá địa điểm đầu tư từ xa, chuyển từ “giới thiệu tiềm năng” sang “chuẩn bị điều kiện sẵn sàng”.

- Hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý đầu tư thống nhất, kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, địa phương, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và cụm công nghiệp theo phân quyền.

- Chuẩn hóa mã dự án, cấu trúc dữ liệu, biểu mẫu và quy trình cập nhật; phân quyền khai thác, bảo đảm an toàn thông tin, chất lượng dữ liệu và hạn chế trùng lặp trong cập nhật, báo cáo.

- Thiết lập bảng điều hành số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành; cung cấp thông tin tổng hợp về tình hình thu hút đầu tư, danh mục dự án, tiến độ xử lý và các điểm nghẽn cần chỉ đạo.

- Phát triển cổng thông tin đầu tư đa ngôn ngữ và các công cụ số giúp nhà đầu tư tra cứu thông tin, tìm kiếm cơ hội đầu tư, đăng ký làm việc và gửi kiến nghị.

- Ứng dụng phân tích dữ liệu để nghiên cứu, lựa chọn nhà đầu tư mục tiêu, xác định ngành, lĩnh vực ưu tiên và đánh giá hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư.

6. Thu hút đầu tư xanh, kinh tế tuần hoàn; thu hút dự án công nghệ cao và mô hình sản xuất tiên tiến:

- Tập trung thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư xanh, công nghệ cao, kinh tế tuần hoàn, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phù hợp với định hướng phát triển bền vững của tỉnh. Ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng

lượng, tài nguyên, giảm phát thải, tái chế và tái sử dụng chất thải, phát triển năng lượng sạch, sản xuất thông minh và tạo giá trị gia tăng cao.

- Xây dựng danh mục dự án ưu tiên về công nghệ xanh, kinh tế tuần hoàn, năng lượng tái tạo, xử lý và tái chế chất thải, nông nghiệp thông minh, công nghiệp công nghệ cao, trung tâm dữ liệu, hạ tầng số và các nền tảng đổi mới sáng tạo; chủ động tiếp cận, xúc tiến và mời gọi các tập đoàn, doanh nghiệp có năng lực công nghệ, tài chính và kinh nghiệm quốc tế.

- Đồng thời, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, kết nối với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; tăng cường cung cấp dữ liệu số về quy hoạch, đất đai, hạ tầng và danh mục dự án, nâng cao tính minh bạch, khả năng tiếp cận thông tin và mức độ sẵn sàng của dự án, qua đó tạo môi trường thuận lợi để thu hút dòng vốn đầu tư xanh, chất lượng cao và có khả năng lan tỏa.

- Lồng ghép tiêu chí công nghệ, môi trường, hiệu quả tài nguyên và mức độ đổi mới sáng tạo trong quá trình xem xét, lựa chọn và thu hút dự án; hạn chế các dự án công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều tài nguyên và có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

7. Tăng cường liên kết, hợp tác và nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư:

- Tăng cường hợp tác với các bộ, ngành Trung ương, địa phương, tổ chức xúc tiến đầu tư, hiệp hội doanh nghiệp và các đối tác trong, ngoài nước để mở rộng quan hệ hợp tác và huy động nguồn lực.

- Phát huy vai trò của doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn trong phát triển nhà cung cấp, hình thành chuỗi liên kết, thu hút dự án vệ tinh và mở rộng đầu tư.

- Chủ động kết nối các nhà đầu tư lớn với doanh nghiệp trong tỉnh, thúc đẩy liên kết sản xuất, chế biến, logistics và tiêu thụ sản phẩm; từng bước hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp và chuỗi giá trị.

- Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư, kết hợp hiệu quả nguồn vốn nhà nước với vốn doanh nghiệp, FDI, PPP và các nguồn vốn hợp pháp khác; tập trung nguồn lực cho các dự án động lực, dự án hạ tầng trọng điểm và dự án có tính liên kết, lan tỏa cao.

- Xây dựng cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin và phân công trách nhiệm giữa các cơ quan, địa phương, tổ chức xúc tiến và cộng đồng doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả kết nối và huy động nguồn lực đầu tư

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Căn cứ nguồn lực, tiến độ chuẩn bị và yêu cầu thực tiễn, tỉnh ưu tiên xây dựng, triển khai các chương trình, nhiệm vụ sau:

1. Chuẩn hóa và số hóa danh mục dự án thu hút đầu tư giai đoạn 2026–2030.
2. Rà soát, xây dựng và ban hành Quy định về trình tự, trách nhiệm phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư và quản lý dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
3. Chuẩn bị quỹ đất, hạ tầng và hồ sơ pháp lý cho các dự án trọng điểm.
4. Kế hoạch phát triển hạ tầng liên kết cao nguyên - ven biển, logistics, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và hạ tầng các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.
5. Chương trình xúc tiến đầu tư gắn với ngành, chuỗi giá trị và nhà đầu tư mục tiêu; thu hút đầu tư xanh, kinh tế tuần hoàn.
6. Kế hoạch hỗ trợ nhà đầu tư chiến lược, hỗ trợ sau cấp phép và hiện thực hóa các cam kết đầu tư.

PHẦN VI.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Sở Tài chính

Là cơ quan đầu mối tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Đề án; chủ trì theo dõi, đôn đốc, tổng hợp và đánh giá kết quả thực hiện:

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai Đề án; cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp, chương trình ưu tiên theo từng năm và từng giai đoạn.
- Chủ trì tham mưu công tác xúc tiến, thu hút và hỗ trợ đầu tư; xây dựng, cập nhật danh mục dự án thu hút đầu tư; tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư theo ngành, lĩnh vực và nhóm nhà đầu tư mục tiêu.
- Làm đầu mối tổng hợp, theo dõi tình hình thu hút và triển khai các dự án đầu tư; tham mưu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền hoặc báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo đối với nội dung vượt thẩm quyền.
- Tham mưu rà soát, đề xuất cơ chế, chính sách và giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng điều hành.
- Phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu triển khai cơ chế hỗ trợ đối với các dự án trọng điểm, dự án đủ điều kiện áp dụng cơ chế “luồng xanh” của tỉnh theo đúng quy định.

- Theo dõi việc triển khai các Bản ghi nhớ, nội dung hợp tác, nghiên cứu, khảo sát và các kết quả xúc tiến đầu tư.

- Chủ trì xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, xúc tiến và theo dõi dự án đầu tư.

- Chủ trì sơ kết, đánh giá giữa kỳ và tổng kết Đề án; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp tham mưu các nội dung liên quan đến đất đai, tài nguyên, môi trường, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển vùng nguyên liệu phục vụ thu hút đầu tư. Rà soát, cung cấp thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quỹ đất; phối hợp tháo gỡ khó khăn về đất đai, môi trường đối với các dự án đầu tư theo thẩm quyền.

- Phối hợp thu hút đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn; chế biến nông, lâm, thủy sản; kinh tế rừng và các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

- Phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, vùng nguyên liệu và thông tin phục vụ danh mục dự án thu hút đầu tư; tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất, tài nguyên và bảo vệ môi trường của dự án.

3. Sở Công Thương

- Chủ trì tham mưu phát triển và thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp, thương mại, năng lượng, logistics và các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành.

- Phối hợp xây dựng, phát triển chuỗi giá trị sản xuất - chế biến - phân phối - tiêu thụ; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế.

- Tham mưu phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ logistics thuộc phạm vi quản lý; hỗ trợ kết nối cung cầu, phát triển thị trường và xúc tiến thương mại gắn với xúc tiến đầu tư.

4. Sở Xây dựng

- Chủ trì tham mưu các nội dung thuộc lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, phát triển đô thị, nhà ở, hạ tầng kỹ thuật và giao thông thuộc phạm vi quản lý; phối hợp bảo đảm tính đồng bộ giữa phát triển kết cấu hạ tầng với nhu cầu thu hút đầu tư.

- Hướng dẫn, phối hợp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc thuộc lĩnh vực xây dựng đối với dự án đầu tư theo thẩm quyền.

- Phối hợp xác định nhu cầu và ưu tiên đầu tư các công trình kết nối khu kinh tế, khu công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cụm công nghiệp, vùng nguyên liệu, cảng biển, sân bay, đô thị và các khu vực động lực.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp thu hút, hỗ trợ các dự án công nghệ cao, công nghệ xanh, công nghệ số, đổi mới sáng tạo; thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và các tổ chức khoa học - công nghệ.

- Phối hợp xây dựng hạ tầng, nền tảng và giải pháp số phục vụ công tác xúc tiến, quản lý, theo dõi và hỗ trợ đầu tư.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì tham mưu các nội dung thuộc lĩnh vực phát triển du lịch, văn hóa, thể thao và các sản phẩm dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý; ưu tiên hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng, chất lượng cao và liên kết không gian cao nguyên - biển.

- Phối hợp xây dựng danh mục dự án, xúc tiến các dự án du lịch; gắn phát triển du lịch với bảo tồn văn hóa, cảnh quan, môi trường và lợi ích cộng đồng.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ trì hoặc phối hợp triển khai các nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực phục vụ ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư.

- Tăng cường liên kết giữa cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và nhà đầu tư; hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại, phát triển kỹ năng nghề, kỹ năng số, ngoại ngữ và nguồn nhân lực chất lượng cao.

8. Ban Quản lý các khu kinh tế và các khu công nghiệp Đắc Lắc

- Chủ trì thực hiện công tác quản lý nhà nước và thu hút đầu tư trong khu kinh tế, khu công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý; là đầu mối hỗ trợ, đồng hành cùng nhà đầu tư trong quá trình chuẩn bị, triển khai và hoạt động của dự án thuộc phạm vi quản lý.

- Tập trung xúc tiến, thu hút các dự án có quy mô, chất lượng, hiệu quả và tính lan tỏa cao, phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển Khu kinh tế Nam Phú Yên và không gian kinh tế ven biển; ưu tiên các dự án công nghiệp chế biến sâu, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, công nghệ cao, logistics, dịch vụ cảng biển, kinh tế biển.

- Đẩy mạnh phát triển khu công nghiệp theo hướng hiện đại và bền vững; thu hút các dự án sử dụng hiệu quả tài nguyên, có công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường; ưu tiên các dự án cam kết áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, có suất đầu tư trên một héc-ta đất cao và hệ số phát thải thấp.

- Đối với khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tập trung thu hút các dự án nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ, chế biến, bảo quản nông sản, chuyển đổi số và phát triển chuỗi giá trị.

- Rà soát quy hoạch và chuẩn bị các điều kiện về đất đai, mặt bằng theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý để thu hút các dự án đầu tư. Xây dựng, cập nhật và công khai danh mục dự án kêu gọi đầu tư, thông tin về địa điểm, quỹ đất, mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật. Cung cấp thông tin, hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thiện các thủ tục về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường và các thủ tục pháp lý liên quan theo thẩm quyền; kịp thời phối hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai dự án.

- Theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện dự án, việc thực hiện các cam kết của nhà đầu tư; kịp thời tham mưu xử lý các dự án chậm triển khai, sử dụng đất không hiệu quả hoặc không thực hiện đúng mục tiêu, tiến độ theo quy định.

- Phối hợp tích hợp, cập nhật và khai thác dữ liệu trực tuyến toàn trình về vòng đời dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý vào hệ thống dữ liệu quản trị dự án đầu tư chung của tỉnh theo phân quyền; bảo đảm thông tin đầy đủ, thống nhất, kịp thời phục vụ công tác xúc tiến, quản lý, theo dõi và đánh giá hiệu quả đầu tư.

9. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh

- Thực hiện nhiệm vụ, quản lý, khai thác quỹ đất theo chức năng, nhiệm vụ; ưu tiên tạo quỹ đất phục vụ các dự án ưu tiên thu hút đầu tư. Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng theo quy định; đẩy nhanh tiến độ bàn giao mặt bằng sạch cho các dự án thu hút đầu tư.

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu giải quyết các khó khăn, vướng mắc về đất đai, giải phóng mặt bằng.

- Thực hiện công khai, minh bạch thông tin về quỹ đất và tiến độ giải phóng mặt bằng; định kỳ báo cáo tình hình thực hiện, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả tạo quỹ đất phục vụ thu hút đầu tư.

10. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của địa phương, tổ chức triển khai các nhiệm vụ của Đề án thuộc phạm vi quản lý.

- Chủ động rà soát quỹ đất và đề xuất dự án thu hút đầu tư phù hợp quy hoạch; phối hợp cập nhật, công khai và cung cấp thông tin thuộc phạm vi quản lý về quy hoạch, đất đai, địa điểm kêu gọi đầu tư, hỗ trợ nhà đầu tư khảo sát địa điểm.

- Phối hợp thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng theo quy định và thẩm quyền; tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong nhân dân.

- Chủ động hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư trong phạm vi thẩm quyền; xác định đầu mối phối hợp hỗ trợ, cung cấp thông tin; kịp thời báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý các khó khăn, vướng mắc.

11. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý và nội dung Đề án, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai; phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ được giao.

Chủ động rà soát các cơ chế, chính sách, thủ tục và điều kiện đầu tư thuộc lĩnh vực quản lý; đề xuất giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn, cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao chất lượng phục vụ doanh nghiệp.

II. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Năm 2026 - Tạo nền tảng, đổi mới phương thức

- Hoàn thiện, triển khai Đề án; rà soát, cập nhật danh mục ngành, lĩnh vực, dự án ưu tiên và nhà đầu tư mục tiêu; chuẩn hóa cơ chế phối hợp, quy trình xử lý thủ tục; số hóa thông tin quy hoạch, đất đai, hạ tầng và mức độ sẵn sàng của dự án.

- Xây dựng nền tảng dữ liệu đầu tư; chuẩn hóa tài liệu xúc tiến; triển khai cơ chế theo dõi nhà đầu tư và dự án; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sau Hội nghị công bố Quy hoạch và Xúc tiến đầu tư năm 2026.

2. Năm 2027 - Đẩy mạnh xúc tiến, thu hút có mục tiêu

- Triển khai đồng bộ các chương trình, nhiệm vụ ưu tiên; tập trung cải thiện môi trường đầu tư, chuẩn bị quỹ đất, phát triển hạ tầng, nguồn nhân lực và xúc tiến có mục tiêu.

- Tập trung hỗ trợ các dự án trọng điểm, nhà đầu tư chiến lược, đặc biệt là các dự án đã ký MOU, trao chủ trương khảo sát tại Hội nghị công bố Quy hoạch và Xúc tiến đầu tư năm 2026; nâng cao tỷ lệ hiện thực hóa các hoạt động xúc tiến và cam kết đầu tư.

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư tại chỗ, hỗ trợ doanh nghiệp đang hoạt động mở rộng đầu tư; nâng cao chất lượng đồng hành, tháo gỡ khó khăn cho nhà đầu tư.

3. Năm 2028 - Tạo động lực và hình thành chuỗi liên kết

- Đẩy mạnh thu hút các dự án có chất lượng, công nghệ, giá trị gia tăng và khả năng lan tỏa cao; củng cố các chuỗi giá trị cao nguyên - ven biển và nâng cao hiệu quả hoạt động của dự án sau đầu tư.

- Tổ chức đánh giá giữa kỳ việc thực hiện Đề án; rà soát mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp, kịp thời đề xuất điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu phát triển của tỉnh.

4. Năm 2029 - Tăng tốc, nâng cao chất lượng và hiệu quả

- Tăng cường thu hút FDI chất lượng cao, dự án xanh, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các dự án có khả năng tham gia, liên kết với chuỗi giá trị trong nước và quốc tế.

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trọng điểm; rà soát, xử lý các dự án chậm triển khai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và các nguồn lực đầu tư.

5. Năm 2030 - Hoàn thành mục tiêu, tổng kết và định hướng giai đoạn mới

- Tập trung hoàn thành các mục tiêu của Đề án; ưu tiên tháo gỡ các điểm nghẽn còn tồn tại, thúc đẩy tiến độ và vốn thực hiện của các dự án đã thu hút.

- Cuối năm 2030 thực hiện rà soát kết quả; tổ chức tổng kết Đề án giai đoạn 2026-2030, đánh giá kết quả, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và đề xuất định hướng cho giai đoạn tiếp theo.

III. CƠ CHẾ THEO DÕI, GIÁM SÁT VÀ BÁO CÁO

1. Sở Tài chính

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai Đề án; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và đơn vị liên quan; kịp thời tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Chủ trì tổ chức sơ kết vào năm 2028, đánh giá giữa kỳ việc thực hiện Đề án; tổng hợp kết quả, mức độ hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra, đề xuất điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế. Năm 2031, tổ chức tổng kết, đánh giá toàn diện kết quả thực hiện Đề án, làm cơ sở xây dựng định hướng, nhiệm vụ và giải pháp nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư trong giai đoạn tiếp theo.

- Định kỳ theo dõi tổng kết, đánh giá thực hiện cơ chế “luồng xanh”; trong đó, tập trung đánh giá số lượng dự án, hồ sơ được áp dụng, thời gian xử lý thực tế, tình trạng bổ sung hồ sơ, những khó khăn, vướng mắc và nội dung cần hoàn thiện; kết quả đánh giá là cơ sở rà soát, điều chỉnh cách thức thực hiện bảo đảm cơ chế được triển khai hiệu quả, phù hợp thực tiễn.

2. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm xây dựng kế hoạch triển khai; thường xuyên theo dõi tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc lĩnh vực, địa bàn phụ trách; chủ động phối hợp xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc nhằm bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

3. Định kỳ hằng năm, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án về Sở Tài chính trước ngày 15/12 để tổng hợp, đánh giá và báo cáo UBND tỉnh. Nội dung báo cáo tập trung vào tình hình triển khai nhiệm vụ, kết quả thu hút đầu tư, tiến độ thực hiện các dự án, hiệu quả sử dụng nguồn lực, những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và đề xuất giải pháp trong thời gian tiếp theo.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý, theo dõi, giám sát và đánh giá tình hình thực hiện Đề án; từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu về dự án đầu tư, tình hình triển khai, tiến độ thực hiện, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, phục vụ công tác quản lý nhà nước và hỗ trợ nhà đầu tư.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk dự kiến khoảng 47.572.000.000 đồng, trong đó:

- Năm 2026: khoảng 8.172.000.000 đồng (*gồm 5.672.000.000 đồng được bố trí trong nguồn kinh phí thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư năm 2026 và khoảng 2.500.000.000 đồng dự kiến thực hiện 03 Đoàn xúc tiến đầu tư ra nước ngoài, chưa được bố trí trong dự toán, sẽ thực hiện trên cơ sở được cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt và bố trí kinh phí theo quy định*).

- Năm 2027: khoảng 9.400.000.000 đồng;

- Năm 2028: khoảng 9.500.000.000 đồng;

- Năm 2029: khoảng 10.000.000.000 đồng;

- Năm 2030: khoảng 10.500.000.000 đồng.

Kinh phí được phân bổ theo 08 nhóm nội dung hoạt động xúc tiến đầu tư, gắn với các phương thức xúc tiến đầu tư quy định tại Điều 81 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Hằng năm, căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án, Chương trình xúc tiến đầu tư của tỉnh, khả năng cân đối ngân sách và ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính theo quy định, cơ quan chủ trì xây dựng dự toán kinh phí chi tiết theo từng hoạt động,

nhiệm vụ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; bảo đảm kinh phí được bố trí đúng mục tiêu, tiết kiệm, hiệu quả và gắn với kết quả đầu ra.

Kinh phí nêu trên là khung dự kiến làm cơ sở xây dựng dự toán và bố trí nguồn lực hằng năm, không phải mức cấp kinh phí cố định; mức kinh phí thực tế từng năm được quyết định theo khả năng cân đối ngân sách và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

PHẦN VII.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

I. KẾT LUẬN

Trên cơ sở đánh giá giai đoạn 2021-2025 và yêu cầu phát triển mới, Đề án xác định thu hút đầu tư phải gắn với Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, phát huy liên kết cao nguyên - ven biển, chuyển từ thu hút theo chiều rộng sang có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, tính bền vững và khả năng lan tỏa làm trọng tâm.

Đề án tập trung vào các nhiệm vụ: cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chất lượng điều hành; chuẩn bị quỹ đất, hạ tầng, nguồn nhân lực và danh mục dự án; đổi mới xúc tiến đầu tư; thu hút nhà đầu tư chiến lược; hỗ trợ nhà đầu tư trong toàn bộ vòng đời dự án; đẩy mạnh liên kết vùng, chuyển đổi số và quản trị đầu tư dựa trên dữ liệu.

Việc triển khai Đề án góp phần huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội, thúc đẩy phát triển hạ tầng, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nguồn nhân lực và các chuỗi giá trị; ưu tiên các dự án công nghệ tiên tiến, giá trị gia tăng cao, thân thiện môi trường và phù hợp định hướng phát triển xanh, bền vững.

Hiệu quả Đề án được đánh giá bằng chất lượng và hiệu quả thực chất của dự án, gồm tiến độ triển khai, vốn thực hiện, việc làm, đóng góp ngân sách, hiệu quả sử dụng đất và tài nguyên, liên kết với doanh nghiệp địa phương, mức độ hài lòng của nhà đầu tư và tác động lan tỏa.

Để thực hiện hiệu quả, cần sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành, địa phương và sự đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư, đối tác trong và ngoài nước. Qua đó, xây dựng Đắk Lắk trở thành địa phương có môi trường đầu tư năng động, minh bạch, cạnh tranh và là điểm đến của các dòng vốn đầu tư chất lượng, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030.

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương

Đề tạo điều kiện cho tỉnh phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế của không gian phát triển cao nguyên - ven biển, nâng cao năng lực cạnh tranh, kiến nghị Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương quan tâm, hỗ trợ các nội dung sau:

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về đầu tư, đất đai, quy hoạch, xây dựng, môi trường, đấu thầu và các lĩnh vực có liên quan; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình chuẩn bị và triển khai các dự án.

- Ban hành cơ chế, chính sách đặc thù đối với tỉnh Đắk Lắk nhằm phát huy lợi thế của địa phương có cả không gian phát triển Tây Nguyên và ven biển; tạo điều kiện hình thành các cực tăng trưởng mới, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao năng lực cạnh tranh trong thu hút đầu tư.

- Quan tâm bố trí nguồn lực để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng chiến lược, nhất là các tuyến giao thông kết nối Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ, hạ tầng cảng biển, cảng hàng không và các công trình có tính chất liên vùng.

- Hỗ trợ tỉnh triển khai các chương trình phát triển logistics, kinh tế biển, công nghiệp chế biến sâu nông, lâm, thủy sản, năng lượng sạch và các chuỗi giá trị liên vùng; tạo điều kiện để tỉnh nâng cao vai trò kết nối giữa Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ.

- Quan tâm hỗ trợ các chương trình quốc gia về tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên rừng, tài nguyên nước và hệ sinh thái biển; ưu tiên các dự án có tính liên kết vùng, tác động lan tỏa và phát triển bền vững.

- Hỗ trợ tỉnh trong hoạt động xúc tiến đầu tư và hợp tác quốc tế; tạo điều kiện tham gia các chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia, diễn đàn hợp tác kinh tế quốc tế và kết nối với các tập đoàn, tổ chức tài chính, quỹ đầu tư và đối tác có năng lực.

2. Đối với Tỉnh ủy và HĐND tỉnh

- Tiếp tục quan tâm lãnh đạo, định hướng và giám sát việc thực hiện Đề án; xác định cải thiện môi trường đầu tư, thu hút và hỗ trợ đầu tư là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030.

- Chỉ đạo, giám sát việc cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án trong nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công và các chương trình công tác có liên quan.

- Xem xét, quyết định theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách, nguồn lực và nội dung cần thiết để triển khai Đề án; tăng cường giám sát trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu trong cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp và tiến độ thực hiện dự án.

3. Đối với UBND tỉnh

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án; định kỳ xem xét kết quả, xử lý khó khăn, vướng mắc và điều chỉnh nội dung triển khai phù hợp với tình hình thực tế.

- Chỉ đạo rà soát, hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, danh mục dự án ưu tiên; chuẩn bị quỹ đất, hạ tầng, thủ tục và thông tin cần thiết để nâng cao mức độ sẵn sàng của dự án thu hút đầu tư.

- Ưu tiên bố trí, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho các công trình hạ tầng, hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cụm công nghiệp, logistics, đô thị và các tuyến kết nối cao nguyên - ven biển.

- Chỉ đạo đẩy mạnh cải cách hành chính và triển khai thực chất cơ chế hỗ trợ, cơ chế “luồng xanh”; kiên quyết khắc phục tình trạng hồ sơ chậm xử lý, đùn đẩy trách nhiệm hoặc phát sinh thủ tục ngoài quy định.

- Duy trì đối thoại thường xuyên với doanh nghiệp, nhà đầu tư; tổ chức theo dõi, hỗ trợ các dự án trọng điểm và hiện thực hóa các biên bản ghi nhớ, cam kết, nội dung hợp tác được thiết lập qua các hoạt động xúc tiến đầu tư.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai dự án; kịp thời tháo gỡ khó khăn cho dự án, đồng thời xử lý theo quy định đối với dự án chậm tiến độ, vi phạm pháp luật, sử dụng đất, tài nguyên kém hiệu quả hoặc không thực hiện đúng cam kết.

- Chỉ đạo xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và công cụ theo dõi, đánh giá thực hiện Đề án; tổ chức đánh giá giữa kỳ vào năm 2028 và tổng kết giai đoạn 2026 - 2030 vào năm 2031.

4. Đối với cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư và các tổ chức liên quan

- Chủ động nghiên cứu, đề xuất và triển khai các dự án phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển, khả năng tiếp nhận của hạ tầng và yêu cầu bảo vệ môi trường của tỉnh.

- Thực hiện đầy đủ các cam kết về tiến độ, vốn đầu tư, công nghệ, đất đai, môi trường, lao động, nghĩa vụ tài chính và trách nhiệm xã hội; chủ động phối hợp với cơ quan nhà nước trong xử lý các vấn đề phát sinh.

- Tăng cường liên kết với doanh nghiệp, hợp tác xã, vùng nguyên liệu, cơ sở đào tạo và người lao động tại địa phương; đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực, phát triển nhà cung cấp và tham gia chuỗi giá trị.

- Các hiệp hội doanh nghiệp, tổ chức tài chính, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và tổ chức xúc tiến đầu tư tăng cường phối hợp, kết nối nguồn lực, phản ánh chính sách và hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Các kiến nghị, đề xuất nêu trên là cơ sở để huy động sự tham gia đồng bộ của Trung ương, của hệ thống chính trị tỉnh, cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình triển khai Đề án; góp phần bảo đảm các mục tiêu và nhiệm vụ nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư giai đoạn 2026–2030 được thực hiện thực chất, khả thi và bền vững./.

MỤC LỤC

PHẦN 1.MỞ ĐẦU	1
I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN:	1
1. Bối cảnh và yêu cầu đặt ra sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh:.....	1
2. Yêu cầu triển khai Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh và huy động nguồn lực đầu tư; kết quả Hội nghị công bố Quy hoạch và Xúc tiến đầu tư tỉnh Đắk Lắk	2
3. Yêu cầu thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025–2030:	3
II. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	3
III. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN	4
PHẦN II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC THU HÚT ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021–2025	5
I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, LÃNH ĐẠO	5
II. KẾT QUẢ THU HÚT ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021–2025.....	6
1. Kết quả thu hút	6
2. Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư.....	7
3. Đánh giá các cơ chế, chính sách hiện hành.....	9
III. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ	11
IV. NGUYÊN NHÂN	12
1. Nguyên nhân khách quan	12
2. Nguyên nhân chủ quan.....	13
PHẦN III. CÁC TIỀM NĂNG, LỢI THẾ SAU SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH.....	13
1. Khu vực phía Tây:.....	13
2. Khu vực phía Đông:	14
3. Lợi thế liên kết cao nguyên – duyên hải và hình thành chuỗi giá trị.....	14
4. Định hướng về thu hút đầu tư giai đoạn 2026–2030 trên cơ sở tiềm năng, lợi thế sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.....	14
PHẦN IV. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THU HÚT ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026–2030.....	16
I. QUAN ĐIỂM.....	16
1. Xác định thu hút đầu tư là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, gắn với thực hiện Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh	16

2. Phát huy lợi thế của tỉnh sau hợp nhất, tổ chức không gian thu hút đầu tư theo hướng liên kết cao nguyên – ven biển và tăng cường liên kết vùng.....	16
3. Chuyển mạnh từ thu hút đầu tư theo chiều rộng sang thu hút có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả và tính lan tỏa làm tiêu chí chủ yếu.....	17
4. Gắn thu hút đầu tư với tăng trưởng xanh, khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển bền vững	17
5. Lấy nhà đầu tư, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; xây dựng chính quyền kiến tạo, minh bạch và đồng hành trong toàn bộ vòng đời dự án.....	17
6. Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất, phân công rõ trách nhiệm và quản trị công tác thu hút đầu tư dựa trên dữ liệu, tiến độ và kết quả.....	17
II. MỤC TIÊU CHUNG.....	17
1. Mục tiêu chung.....	17
2. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2026–2030.....	18
III. ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THU HÚT ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026–2030.....	18
1. Định hướng chung.....	18
2. Định hướng đổi mới phương thức thu hút và hỗ trợ đầu tư.....	18
3. Định hướng theo ngành, lĩnh vực ưu tiên	19
4. Định hướng về chất lượng dự án và lựa chọn nhà đầu tư.....	21
PHẦN V. GIẢI PHÁP VÀ NHIỆM VỤ ĐỔI MỚI, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THU HÚT ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026–2030	21
I. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU	21
1. Chuẩn bị điều kiện và nền tảng phục vụ thu hút đầu tư:	21
2. Cải thiện môi trường đầu tư, xúc tiến, hỗ trợ và quản lý dự án:.....	22
3. Phát triển hạ tầng, tăng cường liên kết và huy động nguồn lực:	23
4. Phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác xúc tiến đầu tư:.....	23
5. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong thu hút đầu tư:.....	24
6. Thu hút đầu tư xanh, kinh tế tuần hoàn; thu hút dự án công nghệ cao và mô hình sản xuất tiên tiến:	24
7. Tăng cường liên kết, hợp tác và nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư:	25
II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM	25
PHẦN VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	26
I. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ	26
1. Sở Tài chính	26
2. Sở Nông nghiệp và Môi trường	27

3. Sở Công Thương	27
4. Sở Xây dựng.....	27
5. Sở Khoa học và Công nghệ.....	28
6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	28
7. Sở Giáo dục và Đào tạo	28
8. Ban Quản lý các khu kinh tế và các khu công nghiệp Đắk Lắk	28
9. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	29
10. UBND các xã, phường	29
11. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan.....	30
II. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN	30
1. Năm 2026 - Tạo nền tảng, đổi mới phương thức.....	30
2. Năm 2027 - Đẩy mạnh xúc tiến, thu hút có mục tiêu	30
3. Năm 2028 - Tạo động lực và hình thành chuỗi liên kết	30
4. Năm 2029 - Tăng tốc, nâng cao chất lượng và hiệu quả	31
5. Năm 2030 - Hoàn thành mục tiêu, tổng kết và định hướng giai đoạn mới ..	31
III. CƠ CHẾ THEO DÕI, GIÁM SÁT VÀ BÁO CÁO	31
1. Sở Tài chính	31
2. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường:	32
IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN	32
PHẦN VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	33
I. KẾT LUẬN.....	33
II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	34
1. Đối với Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương.....	34
2. Đối với Tỉnh ủy và HĐND tỉnh	34
3. Đối với UBND tỉnh.....	35
4. Đối với cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư và các tổ chức liên quan	35